

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày: 30 – 01 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Trương Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 11/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Ánh N**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: **Khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang**. Vắng mặt

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bạch T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: **Ấp E, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà **Bùi Thị Ánh N** trình bày:

Vào ngày 29/6/2023, bà có cho bà **Nguyễn Thị Bạch T** vay số tiền 50.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tiền và công chứng tại Văn phòng công chứng **Nguyễn Viết T1**. Bà giao tiền mặt đủ cho bà **T** trước khi làm hợp đồng vay, không có biên nhận giao tiền, chỉ giao tại nơi bà **T** buôn bán là ngay chợ **thị xã L**, có bà **Võ Hoàng K** chứng kiến. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10

tháng, từ ngày 29/6/2023 và thỏa thuận ngày 29 hàng tháng bà T phải trả lãi và gốc với số tiền là 5.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 29/6/2023. Quá trình cho vay bà T trả cho bà được 02 tháng là 10.000.000 đồng, một lần chuyển khoản và một lần trả tiền mặt, sau đó đến 29/9/2023 ngưng không trả. Bà có đến gặp, thì bà T nói không có khả năng trả tiền cho bà và còn kêu bà muốn gì thì đi thưa. Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T đã được Tòa án thông báo về việc bà Bùi Thị Ánh N khởi kiện và đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án nên chưa ghi nhận được ý kiến của bà T đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người làm chứng bà Võ Hoàng K trình bày: Về sự vay tiền giữa bà N và bà T thì bà có biết, khi làm hợp đồng vay tiền thì cũng có mặt bà. Sự việc nợ nần cụ thể giữa hai bên thì bà không biết rõ, nhưng bà T vẫn thừa nhận nợ bà N số tiền là 50.000.000 đồng và ký hợp đồng vay tiền, có công chứng để làm tin với nhau. Bà không có chứng kiến sự việc giao số tiền 50.000.000 đồng giữa bà T và bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bạch T phải trả số tiền vay là 40.000.000 đồng nên xác định là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 29/3/2023, giữa bà **Bùi Thị Ánh N** và bà **Nguyễn Thị Bạch T** có ký kết Hợp đồng vay tiền với nội dung bà **N** đồng ý cho bà **T** vay số tiền là 50.000.000đồng, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng **Nguyễn Viết T1** là phù hợp về hình thức và nội dung của hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Bà **N** cho rằng đã giao đủ số tiền 50.000.000 đồng cho bà **T** trước khi ký hợp đồng, quá trình cho vay bà **T** đã trả cho bà được hai lần là 10.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà **Võ Hoàng K** xác nhận việc bà **T** có thừa nhận nợ bà **N** số tiền là 50.000.000 đồng và ký hợp đồng vay tiền, có công chứng để làm tin với nhau. Tại biên bản hòa giải ngày 16/10/2023 của Trưởng **ấp E, xã T** thể hiện nội dung bà **T** xác định hiện nay không có khả năng trả đúng theo hợp đồng cho bà **N**. Ngoài ra, ngày 09/11/2023, bà **T** đã trực tiếp nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án số 227/2023/TLST-DS của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A là đã biết được việc bà **N** khởi kiện, nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà **N**. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà **T** không phản đối yêu cầu của bà **N** và chứng cứ bà **N** đưa ra. Vì vậy, việc bà **T** vay 50.000.000đồng của bà **N** theo hợp đồng đã được công chứng nó được xem là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Bà **N** xác định bà **T** đã trả số tiền 10.000.000 đồng nên bà **N** khởi kiện yêu cầu bà **T** phải trả số tiền còn lại là 40.000.000đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Cụ thể: Án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 40.000.000\text{đồng} = 2.000.000\text{đồng}$.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Bùi Thị Ánh N** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Bạch T**.

2. Buộc bà **Nguyễn Thị Bạch T** phải trả cho bà **Bùi Thị Ánh N** số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà **Bùi Thị Ánh N** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà **Nguyễn Thị Bạch T** chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà **Nguyễn Thị Bạch T** còn phải trả cho bà **Bùi Thị Ánh N** số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà **Nguyễn Thị Bạch T** phải chịu là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Chi cục THAhuyện Châu Thành

A

- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên